TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2019/DS-PT
Ngày: 25 – 11 -2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Phương;

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường và bà Nguyễn Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh ĐắkLắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Chí Hiếu - kiểm sát viên;

Ngày 25/11/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2019/TLPT-DS ngày 07/10/2019 về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2019/QĐXXPT-DS ngày 19/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2019/QĐ-PT ngày 12/11/2019 giữa các đương sự: phiên

- Nguyên đơn: Ông Hồ Viết V, bà Bùi Thị H: Có mặt.

Cùng trú tại: Thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Đinh Thị S: Có mặt.

Trú tại: Thôn B, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Hữu C: Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn B, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Hồ Viết V, bà Bùi Thị H;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Hồ Viết V trình bày :

Khoảng năm 2010, năm 2011, tôi không nhớ chính xác, vợ chồng tôi có cho bà S vay 500kg cà phê nhân xô, hẹn 02 tháng sẽ trả. Thời điểm bà S mượn cà phê quy ra thành tiền lúc đó giá cà phê nhân xô khoảng 36.600đồng/kg; vợ chồng tôi quy thành tiền và đưa tiền mặt cho bà S là 18.300.000 đồng. Tuy nhiên, quá hạn 02 tháng bà S không trả được nên chúng tôi thỏa thuận khi nào vợ chồng tôi có nhu cầu lấy thì chốt theo giá cà thị trường tại thời điểm chốt. Sau đó, giá cà phê lên nên vợ chồng tôi chốt cà phê quy ra thành tiền và thống nhất là bà S còn nợ của vợ

chồng tôi số tiền 24.100.000 đồng. Sau nhiều lần đòi nợ nhưng bà S không trả; chỉ sau khi bà S bán rẫy cà phê vào năm 2012 thì bà S mới trả được 15.000.000 đồng (trong đó có 12.210.000 đồng tiền lãi) cho vợ chồng tôi.

Đến ngày 30/01/2014 vợ chồng tôi đến nhà bà S yêu cầu trả tiền; do bà S không trả được nên bà S viết giấy và thống nhất cả nợ gốc và lãi là 31.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, cam kết đến tháng 02/2014 âm lịch sẽ trả trước 20.000.000 đồng. Số tiền 31.000.000 đồng là bao gồm cả gốc và lãi; lúc đó bà S tự tính lời lãi và viết giấy tính lãi, vợ chồng tôi thống nhất theo Giấy bà S viết. Tuy nhiên vợ chồng tôi thấy giấy tính lãi là không quan trọng nên chúng tôi đã làm thất lạc chỉ giữ lại giấy nợ 31.000.000 đồng. Đến ngày 31/01/2015 bà S mới trả được 10.000.000 đồng tiền lãi; có viết giấy cho bà S, giấy do bà S giữ; số tiền còn lại cho đến nay vẫn chưa trả. Trong đơn khởi kiện vợ chồng tôi viết vào khoảng tháng 3/2014 âm lịch bà S trả 10.000.000 đồng tiền gốc là do nhầm lẫn, vì vợ chồng tôi không giữ giấy nên không nhớ.

Đến nay, vợ chồng tôi đã bàn bạc và nhớ lại cách tính lãi để chốt ra số tiền viết giấy vay 31.000.000 đồng và đã có bản tường trình kèm theo bản tính chi tiết gửi cho Tòa án.

Việc hai bên vay mượn đã thống nhất, trao đổi với nhau nên bà S mới viết giấy mượn số tiền 31.000.000 đồng cho vợ chồng tôi, không liên quan gì đến số cà phê trước đây. Vì vậy vợ chồng tôi khởi kiện, yêu cầu bà S phải trả cho vợ chồng tôi số tiền 21.000.000 đồng *(Hai mươi mốt triệu đồng)* và tiền lãi kể từ ngày 30/01/2014 cho đến khi trả xong nợ. Còn đối với ông C thì không liên quan đến số tiền vay 31.000.000 đồng này nên vợ chồng tôi chỉ yêu cầu khởi kiện một mình bà S.

- *Nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày* :

Khoảng năm 2011, tôi có cho vợ chồng bà S, ông Trần Hữu C vay 500kg cà phê nhân xô; vợ chồng tôi đưa cho bà S khoảng 18.000.000 đồng (lâu rồi tôi không nhớ chính xác số tiền đưa). Sau đó, mấy tháng sau khi cà phê lên tôi chốt giá cà và thống nhất thành tiền 24.100.000 đồng, hẹn 02 tháng trả; thời điểm đó khoảng tháng 4/2011. Việc chốt giá nhất trí thành tiền là 24.100.000 đồng hai bên thỏa thuận bằng miệng chứ không viết giấy. Hai tháng sau không trả được nên chúng tôi thỏa thuận sang vay tiền lãi, với lãi suất 2,5%/tháng. Bà S nhờ vợ chồng tôi giới thiệu bán rẫy và hứa sẽ trả tiền cho chúng tôi. Sau khi bán rẫy, mấy ngày sau, thời điểm đó là khoảng tháng 9/2012, bà S có xuống nhà trả cho vợ chồng tôi 15.000.000 đồng cả gốc và lãi. Khi trả được 15.000.000 đồng thì chúng tôi đã tính lãi từ ngày vay là ngày chốt giá cà phê đến ngày trả. Số tiền nợ còn lại chúng tôi thống nhất tiếp tục tính lãi.

Đến ngày 30/01/2014, không trả được nợ nên bà S viết giấy vay tiền tổng cộng cả gốc và lãi là 31.000.000 đồng và hẹn khoảng tháng 02/2014 sẽ trả trước 20.000.000 đồng. Lúc đó bà S tự tính lời lãi và viết giấy tính lãi, vợ chồng tôi thống nhất theo giấy bà S viết. Tuy nhiên vợ chồng tôi thấy giấy tính lãi là không quan trọng nên chúng tôi đã làm thất lạc chỉ giữ lại giấy nợ 31.000.000 đồng. Đến nay, vợ chồng tôi bàn bạc và nhớ lại cách tính lãi để chốt số tiền viết giấy vay

31.000.000 đồng và đã có bản tường trình kèm theo bản tính chi tiết gửi cho Tòa án xem xét.

Sau đó, bà S chỉ trả được 10.000.000 đồng tiền lãi. Đến nay sau nhiều lần vợ chồng tôi yêu cầu trả nợ nhưng bà S vẫn thách thức không chịu trả. Vì vậy, vợ chồng tôi khởi kiện, yêu cầu bà S phải trả cho vợ chồng tôi số tiền 21.000.000 đồng *(Hai mươi mốt triệu đồng)* và tiền lãi kể từ ngày 30/01/2014 cho đến khi trả xong nợ. Còn đối với ông C thì không liên quan đến số tiền vay 31.000.000 đồng này nên vợ chồng tôi chỉ yêu cầu khởi kiện một mình bà S.

Bị đơn bà Đinh Thị S trình bày :

Do chỗ quen biết nên vào tháng 12/2010, do làm ăn khó khăn nên tôi có vay của nguyên đơn 500kg cà phê nhân xô. Tại thời điểm vay cà phê, nguyên đơn quy cà phê thành tiền và đưa cho tôi số tiền 17.300.000 đồng. Hai bên có viết giấy mượn cà phê; giấy này do vợ chồng nguyên đơn giữ. Đến tháng 4/2011 bà H điện thoại cho tôi nói là chốt giá cà phê thời điểm là 48.200 đồng/kg cà phê nhân xô, quy ra thành tiền là 24.100.000 đồng và bà H yêu cầu tôi trả tiền luôn nhưng do tôi khó khăn nên tôi chưa trả được. Đến tháng 4/2012, tôi bán rẫy cà phê và cầm xuống nhà nguyên đơn trả 15.000.000 đồng tiền gốc; có viết giấy biên nhận tiền.

Đến ngày 30/01/2014, ngày 30 Tết nguyên đơn xuống nhà tôi đòi nợ và yêu cầu tôi viết giấy nợ với số tiền 31.000.000 đồng đã tính cả lãi và gốc. Tôi không nhớ chính xác việc tính lãi như thế nào mà thành số tiền 31.000.000 đồng. Tôi chỉ nhớ việc tính lãi là cứ 03 tháng tính lãi một lần, lãi suất 2,5%; không trả được thì cộng dồn vào tổng nợ và tiếp tục tính lãi trên tổng nợ. Vì ngày Tết tôi không muốn cãi vã với nhau nên tôi có viết giấy vay số tiền 31.000.000 đồng, với lãi suất 2,5%/tháng. Thực tế số tiền 31.000.000 đồng này tôi không hề nhận. Sau đó, tôi đã trả được 10.000.000 đồng tiền gốc cho nguyên đơn.

Đến tháng 12/2018 nguyên đơn cầm 01 tờ giấy tính tiền lên nhà tôi, với số tiền là 60.569.000 đồng, đưa cho chồng tôi vì tôi đi vắng và có nhắn lại với chồng tôi là đề nghị tôi trả theo số tiền ghi trong giấy. Tôi thấy vô lý và ác quá nên tôi không đồng ý. Đến ngày 14/01/2019, vợ chồng nguyên đơn đến nhà tôi đòi nợ theo giấy nợ 60.569.000 đồng đưa trước đó cho tôi. Trong quá trình hai bên nói chuyện với nhau, cải vã qua lại tôi có ghi âm lại cuộc nói chuyện. Tôi đã cung cấp bản ghi âm và bản diễn giải cho Tòa án.

Nay nguyên đơn yêu cầu tôi trả số tiền 21.000.000 đồng *(Hai mươi mốt triệu đồng)* và tiền lãi kể từ ngày 30/01/2014 cho đến khi trả xong nợ; tôi không đồng ý; đề nghị Tòa án xem xét nguồn gốc của số tiền này và việc tôi đã trả để giải quyết theo quy định của pháp luật. Còn ông C là chồng tôi không liên quan gì đến việc ký giấy tờ vay tiền giữa tôi và vợ chồng nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trần Hữu C trình bày:

Gia đình ông C, bà S là chỗ bạn bè, quen biết với nguyên đơn. Vào cuối năm 2010, gia đình ông C có vay của nguyên đơn 500kg cà phê nhân xô. nguyên đơn đã quy đổi ra thành tiền, đưa cho vợ chồng ông C, bà S mượn với số tiền 17.300.000 đồng. Sau đó khoảng tháng 4/2011 âm lịch thì nghe bà S báo là nguyên đơn chốt giá cà phê là 48.200 đồng/kg, tương đương với số tiền vợ chồng ông C, bà S phải

trả là 24.100.000 đồng. Lúc đó gia đình ông C đang gặp khó khăn nên chưa trả được đến năm 2012 thì gia đình ông C bán đất rẫy để giải quyết nợ nần nên bà S đã đưa trả cho nguyên đơn được 15.000.000 đồng tiền gốc. Tiếp tục sau đó bà S báo là đã trả được 10.000.000 đồng. Còn các khoản liên quan đến giấy tờ giữa nguyên đơn và bà S phát sinh sau này thì ông C hoàn toàn không biết.

Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 476, Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Viết V, bà Bùi Thị H.

Buộc bị đơn bà Đinh Thị S phải trả cho nguyên đơn ông Hồ Viết V, bà Bùi Thị H tổng số tiền 7.119.545 đồng (Bảy triệu, một trăm mười chín nghìn, năm trăm bốn mươi lăm đồng); trong đó: nợ gốc là 5.040.386 đồng, nợ lãi là 2.079.159 đồng.

Ngoài ra còn bản án còn quyết định lãi suất giai đoạn chậm thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo, quyền thi hành án;

Ngày 03/9/2019 nguyên đơn kháng cáo yêu cầu tòa phúc thẩm xem xét, tính toán lại toàn bộ gốc và lãi vay đã tính trong bản án sơ thẩm;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở cấp sơ thẩm. Hai bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm;

- Về nội dung: Kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án cấp sơ thẩm đã xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra công khai tại phiên toà, kết quả tranh luận của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, xét đơn kháng cáo nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo

của nguyên đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Hữu C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn: yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 21.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 30/01/2014 cho đến khi trả xong nợ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nguồn gốc của số tiền 21.000.000 đồng:

Tháng 01/2011 nguyên đơn có cho vợ chồng bị đơn vay 500kg cà phê nhân xô, các bên quy thành tiền tại thời điểm vay và giao nhận tiền cho nhau. Tháng 4/2011 nguyên đơn chốt cà phê với giá 48.200 đồng/kg, quy ra thành tiền là 24.100.000 đồng. Ngày 30/01/2014 nguyên đơn và bị đơn tính toán số nợ với nhau và ký giấy vay tiền với số tiền nợ 31.000.000 đồng. Quá trình vay đó tháng 9/2012 bị đơn trả 15.000.000 đồng, ngày 31/02/2015, trả tiếp 10.000.000 đồng sua đó thì thôi không trả nữa.

Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là Giấy vay tiền ngày 30/01/2014 thể hiện số tiền bà S vay 31.000.000 đồng nhưng thực tế vào ngày 30/01/2014 các bên không giao nhận số tiền này.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm các bên đã thừa nhận quá trình vay cà phê quy thành tiền với nhau như trên.

Như vậy: Việc vay mượn giữa các bên là có thật, bắt đầu từ việc vay 500 kg cà phê nhân xô, quy ra tiền là 24.100.000 đồng từ tháng 4/2011, đã trả được 25.000.000 đồng thành 2 giai đoạn. Từ việc ban đầu là vay cà phê và chốt giá cà phê theo từng thời điểm giá tăng, giảm để trả tiền sau đó chuyển luôn sang vay, trả bằng tiền mặt. Việc vay mượn giữa các bên có thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ nhưng bằng miệng là chính, không rõ ràng, cụ thể bằng văn bản, ngày 30/01/2014 có viết giấy nhưng các bên xác định nội dung lại không có thực. Việc trả tiền 25.000.000 đồng thành 2 giai đoạn cũng không xác định rõ và thống nhất được với nhau khoản nào là trả gốc, khoản nào là trả lãi, số gốc, lãi còn lại là bao nhiêu, bao giờ trả hết?

Vì những lý do nêu trên, yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 21.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 30/01/2014 cho đến khi trả xong nợ là không có sở để chấp nhận toàn bộ mà phải xác định và tính toán lại gốc, lãi trên cơ sở quy định của pháp luật.

Về căn cứ pháp luật và cách xác định gốc và lãi:

- Giai đoạn từ tháng 4/2011 đến tháng 01/2015:

Căn cứ khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: Trong trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Trong thời gian các bên vay tiền, lãi suất cơ bản được áp dụng theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm = 0,75%/tháng.

Do vậy, việc vay, trả gốc, lãi phải tính toán lại như sau:

Tháng 4/2011 vay 24.100.000 đồng, tháng 9/2012 trả 15.000.000 đồng thì gốc còn lại tính từ tháng 10/2012 là 12.172.750 đồng, tính như sau:

Từ tháng 4/2011 đến tháng 9/2012 là 17 tháng, gốc 24.100.000 đồng thì lãi 1 tháng là 0,75% x 24.100.000 đồng =180.750 đồng; 17 tháng tiền lãi là :3.072.750 đồng; gốc và lãi 17 tháng là: 24.100.000 đồng + 3.072.750 đồng = 27.172.750 đồng; bị đơn trả cả gốc và lãi được 15.000.000 đồng, như vậy đến tháng 9/2012 bị đơn còn nợ lại cả gốc và lãi là: 27.172.750 đồng - 15.000.000 đồng = 12.172.750 đồng;

Tháng 1/2015 trả 10.000.000 đồng thì gốc và lãi còn lại phải trả từ tháng 2/2015 là 4.728.997 đồng, tính như sau:

Từ tháng 10/2012 đến tháng 1/2015 là 28 tháng, lãi 1 tháng là 0,75%x12.172.750 đồng = 91.295 đồng; lãi 28 tháng là 28 x91.295 đồng = 2.556.277 đồng, gốc và lãi phải trả là 12.172.750 đồng + 2.556.277 đồng = 14.728.997 đồng;

Bị đơn trả được 10.000.000 đồng vậy còn nợ lại gốc là 4.728.997 đồng tính từ tháng 2/2015 trở đi;

- Giai đoạn từ tháng 2/2015 đến ngày xét xử phúc thẩm:

Do các bên thỏa thuận trong giấy ghi ngày 30/01/2014 lãi suất là 2,5%/1 tháng là không phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 nên giai đoạn này chỉ chấp nhận lãi suất bằng 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố, theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm = 0,75%/tháng thì lãi suất tính cho giai đoạn này là 1,125%/tháng

Số tiền nợ lại gốc là 4.728.997 đồng tính từ tháng 2/2015 đến tháng 11/2019 là 57 tháng; lãi 01 tháng là 1,125% x 4.728.997 đồng = 53.201 đồng, 57 tháng lãi là 3.032.469 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 4.728.997 đồng + 3.032.469 đồng = 7.761.466 đồng.

Vì các lý do nêu trên cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm về phần tính lãi suất theo đúng quy định của pháp luật

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên cần tính lại như sau:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 7.761.466 đồng x 5%=388.000 đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận là 21.000.000 đồng – 4.728.997 đồng = 16.271.003 đồng x 5% = 813.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Viết V và bà Bùi Thì H. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk;

Áp dụng Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005,

- Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Viết V, bà Bùi Thị H.

Buộc bị đơn bà Đinh Thị S phải trả cho nguyên đơn số tiền 7.761.466 đồng *(bảy triệu bảy trăm sáu mốt ngàn bốn trăm sáu sáu đồng)* (trong đó nợ gốc là: 4.728.997 đồng, lãi là: 3.032.469 đồng.

Áp dụng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trong giai đoạn thi hành án kể từ khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Về án phí:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Đinh Thị S phải chịu 388.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Hồ Viết V, bà Bùi Thị H phải chịu 813.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 525.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0010093 ngày 02/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk; ông V, bà H còn phải nộp 288.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Hồ Viết V, bà Bùi Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng theo các biên lai thu số 0014319 ngày 05/9/2019 và số 0014363 ngày 10/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa CC tại Đà Nẵng
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Duy Phương